



NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN HÀNH LANG XANH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Nguyễn Văn Tuyên¹

Tóm tắt: Việc hình thành hệ thống hành lang xanh bao bọc bên ngoài đô các đô thị với các chức năng khác nhau như vành đai rừng, công viên, khu du lịch sinh thái, nông nghiệp... đã áp dụng thành công cho nhiều đô thị lớn trên thế giới. Trong đó hành lang xanh có nhiệm vụ quan trọng trong việc đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển đô thị với cân bằng môi trường sinh thái cho đô thị. Trong khuôn khổ bài nghiên cứu, chúng tôi trình bày khái quát khái niệm và thực tiễn quy hoạch Hành lang xanh, Vành đai xanh tại các đô thị lớn vùng Đồng bằng sông Hồng. Bài báo đưa ra những nhận định về thuận lợi và khó khăn trong việc áp dụng mô hình Hành lang xanh tại các đô thị lớn. Từ đó đề xuất nhiệm vụ để thiết lập mô hình hành lang xanh, vành đai xanh tại các đô thị lớn vùng Đồng bằng sông Hồng.

Từ khóa: Hành lang xanh; vành đai xanh; đô thị lớn; đồng bằng sông Hồng.

Summary: The forming of a green belt - system which surrounds megacities varies in its functions such as forest belts, parks, ecological tourist sites, agriculture... These ones have been successfully applied for many mega cities in the world. The green belt plays an important role in assuring the balance between the urban development and eco-environment. In the article, we outlined the concept and practical planning Green Corridor, Green Belt of megacities in the Red River Delta. This paper presents some comments on the advantages and difficulties in applying the model Green Corridor at megacities. So we proposed to establish model green corridor, the Green Belt of megacities in the Red River Delta.

Key words: Green Corridor; green Belt; megacities; Red River Delta.

Nhận ngày 13/11/2014, chỉnh sửa ngày 30/11/2014, chấp nhận đăng 31/12/2014



1. Giới thiệu

Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 đã được thiết lập với việc mở rộng Thủ đô chủ yếu về phía Tây, thuộc tỉnh Hà Tây cũ. Một trong những nét mới của đồ án là việc thiết lập các Hành lang xanh (HLX) đan xen và bao bọc đô thị. Tuy nhiên, trong những tác động có tính quy luật của quá trình đô thị hóa, khu vực không gian xanh luôn chịu các áp lực về sự biến đổi chức năng không mong muốn. Với các đô thị lớn tại khu vực Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH), sự tồn tại của hệ thống làng xã truyền thống, khu đô thị mới và nhiều dạng phát triển khác trong khu vực dự kiến làm HLX đang chịu sự tác động của quá trình đô thị hóa mạnh và nếu không được kiểm soát tốt sẽ biến đổi thành những khu vực có mật độ xây dựng cao, giống như các khu vực vùng ven đã đô thị hóa khác.

Khu vực nghiên cứu được giới hạn là các đô thị lớn vùng ĐBSH trong đó tập trung nghiên cứu các đô thị sau: TP. Hà Nội, TP. Hải Phòng và tỉnh Hải Dương.

Đối tượng nghiên cứu là hành lang không gian xanh bao bọc xung quanh đô thị với vai trò chính là cân bằng giữa bảo tồn và phát triển đô thị. Thực tiễn tại quy hoạch các đô thị lớn vùng ĐBSH, hành lang không gian xanh được hiểu là khu vực HLX trong quy hoạch chung thủ đô Hà Nội và Vành đai xanh (VĐX) trong quy hoạch chung TP Hải Phòng đã được phê duyệt. Thực tiễn lý luận và kinh nghiệm quy hoạch các đô thị lớn trên thế giới, hành lang xanh bao bọc quanh đô thị này được định nghĩa là VĐX.

¹ThS, Khoa Kiến trúc và Quy hoạch. Trường Đại học Xây dựng. Email : kts.nguyenvantuyen@gmail.com

Vì vậy, trên cơ sở đánh giá một số kinh nghiệm quy hoạch VĐX của các nước trên thế giới, nhóm nghiên cứu xác định các thuận lợi và khó khăn của khu vực dự kiến thiết lập HLX, VĐX tại các đô thị lớn vùng ĐBSH. Tiến tới xây dựng các mô hình phát triển phù hợp và khả thi, vừa kế thừa định hướng quy hoạch hiện có, vừa bổ sung và điều chỉnh đúng với chức năng của HLX đô thị.



2. Khái niệm Hành lang xanh, Vành đai xanh và thực tiễn tại quy hoạch các đô thị lớn vùng ĐBSH

Khái niệm HLX (green corridor) được bắt đầu đề cập đến trong quy hoạch dải công viên Emerald Necklace của Law Olmsted cho Boston của Vương quốc Anh năm 1837. HLX là các không gian mở, công viên cây xanh, đất nông nghiệp hoặc các khu vực tự nhiên được hình thành dưới dạng các dải đan xen bên trong hoặc bao bọc bên ngoài đô thị vì các mục đích bảo tồn môi trường và cảnh quan. Khái niệm HLX được sử dụng nhiều nước trên thế giới, tuy nhiên nó được biến đổi theo hoàn cảnh khác nhau:

- Hành lang xanh thương mại (Mỹ, Mexico, Canada);
- Hành lang xanh công nghệ (California / Mỹ);
- Hành lang xanh công viên đô thị (Singapore);
- Hành lang xanh cảnh quan (Anh);
- Hành lang xanh giao thông vận tải (Châu Âu).

Khái niệm VĐX đã được hình thành và có lịch sử phát triển hơn 100 năm tại các nước Châu Âu. Khái niệm VĐX (green belt) lần đầu tiên được đề xuất bởi Ebenezer Howard (1902) trong cuốn sách của ông: "Garden Cities of Tomorrow". Theo ông, VĐX là một vành đai vùng nông thôn, là khu vực hạn chế phát triển đô thị hóa, bao gồm các chức năng được ưu tiên phát triển như nông nghiệp, lâm nghiệp và các khu vực vui chơi giải trí ngoài trời.

Tiếp theo Ebenezer Howard, nhiều nhà lý luận đã phát triển khái niệm VĐX trong đó có Thompson (2002): Mục đích của VĐX là để kiểm soát sự mở rộng không giới hạn của khu vực đô thị, bảo vệ các vùng nông thôn trước sự phát triển lan tỏa của đô thị, bảo vệ môi trường tự nhiên và cải thiện chất lượng không khí ở các khu vực đô thị.

VĐX được đưa vào thực tế quy hoạch đô thị đầu tiên trong bản quy hoạch vùng London năm 1935. Tại Vương Quốc Anh, VĐX được quy định xác định cụ thể theo chính sách hướng dẫn quy hoạch (Planning Policy Guidance 2) với 5 nhiệm vụ chính:

- Kiểm soát sự mở rộng giới hạn của đô thị lớn;
- Ngăn chặn các thị trấn lân cận sáp nhập vào nhau;
- Hỗ trợ trong việc bảo vệ các vùng nông thôn bị xâm lấn;
- Bảo vệ cấu trúc và giá trị văn hóa của thị trấn lịch sử;
- Hỗ trợ trong việc tái tạo đô thị, bằng cách khuyến khích việc sử dụng đất hoang và các loại đất đô thị khác.

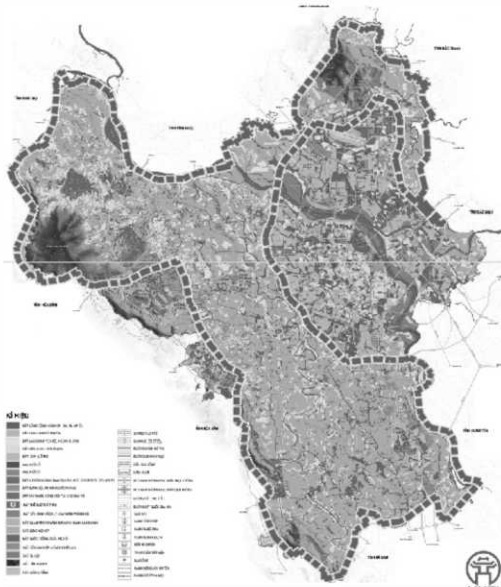
Trong những giai đoạn 1930-1960 đó là một trong những lý luận đã được triển khai áp dụng hầu hết trong tất cả các đô thị lớn ở Châu Âu, Mỹ và nhiều nước châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc [3].

Tại vùng ĐBSH, khu vực không gian hành lang xanh bao bọc đô thị đã được đề xuất ở dạng đồ án quy hoạch thông qua 02 đồ án Quy hoạch chung TP. Hà Nội và TP. Hải Phòng. Không gian hành lang xanh bao bọc đô thị là HLX trong quy hoạch chung thủ đô Hà Nội, là VĐX trong quy hoạch chung TP. Hải Phòng. Vị trí, quy mô và chức năng không gian hành lang xanh đó được xác định trong các đồ án quy hoạch chung cụ thể như sau:

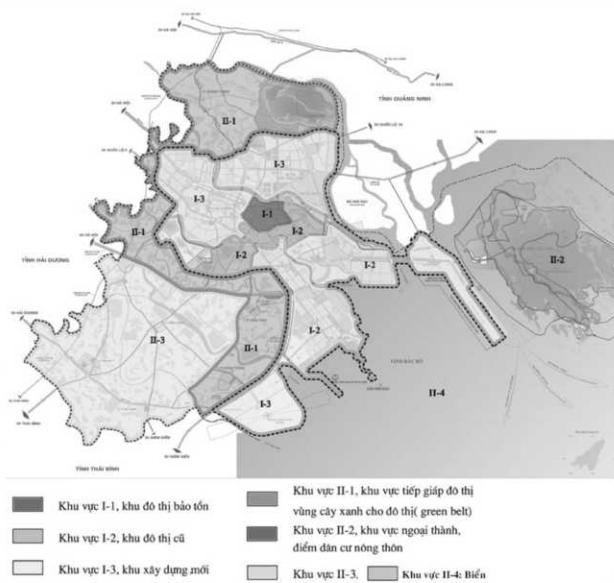
- Khu vực HLX trong định hướng quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội: chiếm 68% tổng diện tích đất tự nhiên, làm trung gian giữa bảo tồn và phát triển, có chức năng bảo vệ những khu vực tự nhiên quan trọng như hệ thống sông hồ, vùng núi Ba Vì, Hương Tích, Sóc Sơn; bảo vệ vùng nông thôn, nông nghiệp năng suất cao, các làng xóm và làng nghề truyền thống, các di tích văn hoá. HLX sẽ đóng góp cho vấn đề kiểm soát lũ lụt, kiểm soát ngưỡng phát triển của đô thị hạt nhân và các đô thị vệ tinh, đồng thời tạo cảnh quan

cho Thành phố. HLX tập trung chủ yếu từ vành đai 4 tới khu vực sông Đáy, sông Tích, trên địa bàn các huyện Phúc Thọ, Đan Phượng, Thạch Thất, Hoài Đức, Quốc Oai, Chương Mỹ, Thanh Oai, Ứng Hoà và Phú Xuyên. HLX cũng có một phần ở phía Bắc của huyện Mê Linh, khu đồi núi Hàm Lợi gần Sóc Sơn [4].

- Khu vực VDX trong quy hoạch chung TP. Hải Phòng: Theo định hướng quy hoạch chung thành phố đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, VDX bao quanh thành phố được quy hoạch là tiểu vùng II-1 với chức năng bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái cho đô thị. Tiểu vùng này bao gồm khu vực phía Bắc, phía Tây và phía Nam thành phố. Khu vực phía Bắc là một phần huyện Thủy Nguyên với cảnh quan Tràng Kênh - Núi Đèo. Khu vực phía Tây chủ yếu là không gian làng xã giáp với tỉnh Hải Dương. Khu vực phía Nam là các làng xã nằm hai bên sông Đa Độ được giới hạn bởi đường xuyên tâm Hùng Thắng - Kiến Thụy, đường Vành đai 3, đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng. Chiều rộng của VDX từ 1-5km tùy thuộc vào từng khu vực [5].



Sơ đồ HLX trong Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội



Sơ đồ VDX trong quy hoạch chung TP. Hải Phòng

Hình 1. Sơ đồ HLX, VDX trong quy hoạch chung TP Hà Nội và TP Hải Phòng

Từ kinh nghiệm của việc xây dựng VDX cho thành phố London, mô hình VDX đã được ứng dụng rất nhiều thành phố khác nhau, chủ yếu là ở châu Âu và châu Á. Ví dụ như VDX tại Seoul, Bangkok, Copenhagen, Barcelona, Berlin, Vienna và Budapest. Một vài VDX cũng đã được xây dựng ở miền Bắc Mỹ, chẳng hạn như VDX ở Toronto, Ottawa và Boulder. Cùng với số lượng VDX đang tăng lên, một số chức năng mới cũng được bổ sung vào VDX. Ví dụ như ngoài vai trò chính của nó như là một ranh giới vật lý cho phát triển đô thị, VDX của Seoul cũng là một nơi để hoạt động du lịch và vui chơi giải trí. Hơn nữa, VDX có thể giải quyết vấn đề sinh thái đô thị như giảm ô nhiễm không khí, kiểm soát lũ lụt và bảo tồn môi trường sống của động vật hoang dã.

Tuy nhiên, không phải tất cả ý tưởng xây dựng một VDX theo quy hoạch đều đạt được thành công như mong muốn. Các VDX ở London đã góp phần vào tình trạng thiếu nhà ở và đi tắt đón đầu phát triển. Các VDX ở Seoul cũng đã gây ra những khó khăn đối với chủ sở hữu đất đai trong phạm vi quy hoạch và đã kích thích sự phát triển của đô thị vệ tinh tiếp giáp với VDX. Mô hình VDX trong quy hoạch vùng Tokyo - Nhật Bản, thành phố Bắc Kinh - Trung Quốc bị thu hẹp do nhu cầu phát triển mở rộng của đô thị, đặc biệt là việc phát triển các khu dân cư trong VDX là điều cần xem xét và rút ra các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Nhận thức được những thách thức trong việc thiết lập mô hình HLX, VDX tác giả đã có những phân tích đánh giá những yếu tố thuận lợi, khó khăn của khu vực dự quy hoạch HLX, VDX tại các đô thị lớn vùng ĐBSH và cụ thể tại TP. Hà Nội và TP. Hải Phòng.



3. Những thuận lợi và khó khăn trong việc quy hoạch HLX tại các đô thị lớn vùng ĐBSH

3.1 Những yếu tố thuận lợi

a. Không gian cảnh quan tự nhiên độc đáo

Vùng ĐBSH được kiến tạo với địa hình, địa chất tự nhiên phong phú và đa dạng, đây là điểm rất thuận lợi cho việc hình thành HLX cho các đô thị lớn. Có thể nhìn nhận các cảnh quan chính như: rừng núi, biển đảo, sông và nông nghiệp ngoại thành có cảnh quan độc đáo với môi trường sinh thái tốt.

Cảnh quan rừng núi vùng ĐBSH với hình thái địa hình nhiều tầng bậc, hệ sinh thái phong phú. Vườn quốc gia Ba Vì được đánh giá có đặc trưng cảnh quan hấp dẫn nhất vùng. Ba Vì là vùng núi trung bình và núi thấp, đồi núi tiếp giáp với vùng bán sơn địa, vùng này như một dải núi nổi lên giữa đồng bằng chỉ cách lưu vực sông Hồng 20 km về phía Tây.

Cảnh quan vịnh Bắc Bộ là cảnh quan đặc trưng của biển đảo vùng ĐBSH. Là sự kết hợp hài hòa và thống nhất cảnh quan biển với hệ thống đảo, rừng ngập mặn tạo thành cảnh quan biển hấp dẫn.

Sông Hồng, sông Thái Bình và các nhánh sông chảy theo hướng Đông Tây xuyên cắt qua đô thị tạo nên đặc trưng cảnh quan các đô thị lớn vùng ĐBSH. Sông Hồng, sông Đáy, sông Tích tại TP. Hà Nội. Sông Thái Bình, sông Sắt và lưu vực sông Kinh Thầy tại TP. Hải Dương. Sông Bạch Đằng, sông Cẩm, sông Đa Độ, sông Văn Úc, sông Thái Bình tại TP. Hải Phòng.

Cảnh quan sinh thái nông nghiệp vẫn giữ được những đặc trưng hoạt động sản xuất nông nghiệp truyền thống của vùng. Hệ sinh thái nông nghiệp bao gồm đất sản xuất, kênh mương, sông hồ tưới tiêu nằm khu vực ngoại thành. Về cơ bản các thành tố quan trọng của hệ sinh thái nông nghiệp vẫn được duy trì và có thể cải tạo trở thành các khu vực môi trường cảnh quan sinh thái cho đô thị.



a) Núi Ba Vì - TP. Hà Nội



b) Cảnh quan biển đảo Cát Bà - TP. Hải Phòng



c) Sông Đáy - TP. Hà Nội



d) Sản xuất nông nghiệp - Tỉnh Hải Dương

Hình 2. Một số cảnh quan độc đặc trưng tại khu vực dự kiến quy hoạch HLX, VDX vùng ĐBSH

b. Tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng

Việc gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể có ý nghĩa quan trọng để từ đó tạo lập giá trị cốt lõi để duy trì và bảo vệ HLX, VDX.

Vùng ĐBSH có tiềm năng giá trị văn hóa sâu sắc và độc đáo. Trong đó khu vực ngoại thành đô thị là nơi tập trung các khu di tích lớn được xếp hạng và có giá trị. TP Hà Nội là nơi tập trung nhiều di tích nhất trên cả nước và là vùng đất hội tụ đa dạng các vùng văn hoá tiêu biểu của vùng ĐBSH. Tổng số di tích của TP là 1.984 di tích, trong đó di tích xếp hạng có 532 di tích, di tích thờ thành hoàng có 253 di tích (số liệu thống kê năm 2010). TP. Hải Phòng cũng là nơi có những di tích lịch sử, văn hoá độc đáo như đền Nghè thờ nữ

tướng Lê Chân, đình Hạ thờ Nguyễn Công Trứ, đền thờ Nguyễn Bình Khiêm. Núi Voi (An Lão) với những di tích khảo cổ từ thời Hùng Vương cách đây 2500 năm. Khu vực thị trấn Minh Đức - Thủy Nguyên có khu di chỉ khảo cổ học Tràng Kênh nổi tiếng [5].

Ngoài hệ thống các khu di tích lớn, vùng ĐBSH còn có hệ thống giá trị văn hóa làng xã lâu đời. Trước áp lực quá trình đô thị hóa, nói chung vùng ĐBSH vẫn lưu giữ được các giá trị cốt lõi của làng xã truyền thống như [3]:

- Cấu trúc, giá trị mặt cấu trúc quy hoạch và không gian của làng truyền thống cơ bản được gìn giữ. Tiêu biểu cho một cộng đồng cư trú có tính khép kín, tính tự trị, bảo vệ cộng đồng và thể hiện quan điểm về tín ngưỡng, văn hóa, lối sống của cư dân vùng ĐBSH.

- Truyền thống văn hóa, lịch sử lâu đời và vô cùng đặc sắc với những phong tục tập quán, tín ngưỡng truyền thống với nhiều mặt tích cực. Lối sống nhân hậu, tôn trọng cộng đồng, quan hệ dòng họ, láng giềng, gần bó với thiên nhiên vẫn còn rõ nét. Các giá trị văn hoá phi vật thể khác như văn hoá ẩm thực, nghề thủ công, lễ hội... còn rất phong phú.

- Các công trình kiến trúc với giá trị sử dụng vật liệu, phương thức xây dựng truyền thống được bảo tồn. Các làng cổ, di tích là một bảo tàng phong phú về việc sử dụng các vật liệu truyền thống cho các loại hình kiến trúc khác nhau: vật liệu gỗ, đá ong, gạch nung, gạch đất, tre, mái ngói, mái rạ, đá xanh...

c. Đã có thể chế là cơ sở để áp dụng mô hình HLX trong quy hoạch các đô thị lớn

- Yêu cầu bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, hạn chế sử dụng đất nông nghiệp, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả đất đô thị trong luật Quy hoạch đô thị - số 30/2009/QH12.

- Hành động đối với đô thị xanh và bền vững, trong đó hành động điều chỉnh quy hoạch theo tiêu chuẩn đô thị bền vững, cải tạo hạ tầng, ứng dụng công nghệ vật liệu mới, xanh hóa cảnh quan trong Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2020- Quyết định 403/QĐ-TTg.

- Mục tiêu nền kinh tế các-bon thấp, tăng trưởng xanh, đảm bảo an ninh lương thực trong Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu - Quyết định 2139/QĐ-TTg.

3.2 Những yếu tố khó khăn

a. Không gian cảnh quan sinh thái tự nhiên bị suy giảm

HLX sông Đáy trong quy hoạch chung Hà Nội với mục tiêu chính là khu vực “Cân bằng giữa phát triển và bảo tồn”. Không gian sinh thái rừng có hệ sinh thái đa phân tầng tốt nhất, đảm bảo cung cấp khí sạch (chủ yếu O_2) và hấp thụ khí độc hại (chủ yếu là CO_2) cho hoạt động của đô thị. Tuy nhiên, việc bảo tồn không gian cảnh quan sinh thái tự nhiên chưa được nhìn nhận rõ ràng và gặp nhiều khó khăn:

- Vùng ĐBSH có diện tích rừng thấp, không những vậy các vùng rừng tự nhiên còn lại trong vùng ĐBSH đang thu hẹp từ quá trình khai thác du lịch, khoáng sản và đặc biệt là áp lực quá trình phát triển đô thị. Trong đó rừng ngập mặn được đánh giá là chịu tác động ảnh hưởng lớn nhất của hoạt động khai thác du lịch, công nghiệp Cảng và biến đổi khí hậu. Tại TP. Hải Phòng, diện tích rừng ngập mặn đang có xu hướng bị suy giảm nghiêm trọng, từ diện tích 6,623 ha vào năm 1995, hiện chỉ còn khoảng 3,804 ha. Phần lớn các khu rừng ngập mặn bị chặt phá để nuôi tôm, khai thác thủy sản. Tại các vùng Đình Vũ, Cát Hải, Thủy Nguyên có đến 90% diện tích rừng ngập mặn đã bị chuyển đổi mục đích sử dụng khác [5].

- Hệ thống sông trong các đô thị lớn vùng ĐBSH chủ yếu được khai thác ở khía cạnh vận tải đường thủy, vật liệu xây dựng gây ô nhiễm môi trường nước. Chất lượng nước sông Đáy - sông chính trong khu vực quy hoạch HLX của TP. Hà Nội, đã thay đổi thất thường, hiện bị ô nhiễm rất nghiêm trọng. Nguyên nhân chủ yếu là do dòng chính sông Đáy phải tiếp nhận rất nhiều nguồn nước thải, từ nước thải sản xuất đến nước thải sinh hoạt trên phạm vi rộng. Chất lượng nước sông Đáy đang bị ô nhiễm bởi các thành phần hữu cơ và vô cơ như COD vượt TCCP 3,54 lần, BOD_5 vượt 3,2 lần [4].

- Hệ thống cảnh quan nông nghiệp bị ô nhiễm. Năng suất sản xuất nông nghiệp thấp dẫn tới môi trường nông nghiệp không được quan tâm, chất lượng môi trường bị suy thoái. Việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không có kiểm soát làm cho môi trường bị tàn phá. Tại các làng tái chế kim loại tại TP. Hà Nội, hàm lượng P_{b2+} vượt tiêu chuẩn cho phép 4,1 lần, Cu_{2+} vượt 3,25 lần; hàm lượng phenol tại làng nghề dệt nhuộm vượt tiêu chuẩn cho phép hơn 10 lần, nước thải luôn có màu đen, bốc mùi khó chịu [4].

b. Khai thác không hiệu quả hoạt động du lịch - vui chơi giải trí

Tại các nước Châu Âu, các chức năng trong VDX có xu hướng hình thành các công viên rừng, công viên vui chơi giải trí hay nông trại đô thị. Các hoạt động du lịch, vui chơi giải trí đã được khuyến khích trên cơ sở bảo vệ môi trường cảnh quan. Tuy nhiên, TP. Hà Nội mặc dù có vị trí địa lý thuận lợi, có nguồn tài nguyên du lịch đa dạng phong phú, nhưng theo thống kê cho thấy du lịch Hà Nội không phải là một thành phố du lịch hấp dẫn. Để khai thác hiệu quả hoạt động du lịch và vui chơi giải trí theo tác giả cần khắc phục khó khăn sau:

- Các khu du lịch, điểm du lịch và khu vui chơi giải trí trong khu vực dự kiến thiết lập VDX, HLX chưa có tính hệ thống, phát triển tự phát và cạnh tranh lẫn nhau. Hoạt động du lịch trong vùng ĐBSH thường có tính thời vụ cao, tập trung vào các thời điểm chủ yếu là 3 tháng hè và tại các điểm du lịch lớn của vùng. Do đó việc khai thác và phát triển thiếu cân bằng dẫn đến việc quản lý tài nguyên tự nhiên và văn hóa không đồng nhất.

- Nhiều điểm du lịch hấp dẫn như làng nghề, làng cổ, hồ câu... nằm xen lẫn với các làng xã gây khó khăn đối với công tác khai thác và phát triển du lịch. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch (hệ thống khách sạn, dịch vụ, sản phẩm du lịch) còn nghèo nàn và công tác quản lý còn rất hạn chế. Dẫn đến các hoạt động thương mại dịch vụ phát triển tự phát ven các khu, cụm và điểm du lịch.

c. Môi trường sinh thái trong khu vực làng xã ô nhiễm và quỹ đất nông nghiệp thu hẹp

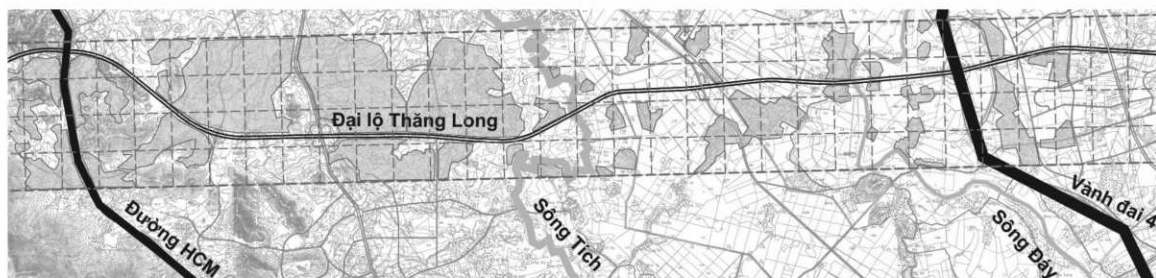
Diện tích đất nông nghiệp chiếm một tỉ trọng lớn trong khu vực dự kiến quy hoạch HLX, VDX vùng ĐBSH. Do đó việc bảo vệ môi trường và quỹ đất nông nghiệp nhằm duy trì môi trường sinh thái tổng thể là thực sự quan trọng. Tuy nhiên đây cũng là bài toán khó khăn đối với nhà quy hoạch cũng như chính quyền địa phương, bởi thực trạng sau:

- Hầu hết các làng nghề phát triển mạnh mẽ, thiếu đầu tư, thiếu quy hoạch đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hệ thống xử lý chất thải. Tại TP. Hà Nội hiện có gần 300 làng nghề được công nhận. Các làng nghề phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở phía Nam theo lưu vực sông Nhuệ, sông Đáy. Một số làng nghề bị ô nhiễm bởi chất thải rắn phát sinh do các hoạt động sản xuất, như các làng nghề vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm, tái chế kim loại...

- Chất lượng đất nông nghiệp vùng ngoại thành Hà Nội đã có dấu hiệu ô nhiễm về hóa chất Bảo vệ thực vật và kim loại nặng, đặc biệt là 3 huyện Đông Anh, Gia Lâm và Thanh Trì. Phần lớn nguồn phế thải chưa được xử lý đều đổ vào môi trường đất, nước, mà hậu quả là môi trường đất, nước nông nghiệp trở nên ô nhiễm nghiêm trọng.

- Giá trị sản xuất nông nghiệp tại vùng ĐBSH thấp dựa trên phương pháp và tư duy sản xuất nhỏ lẻ truyền thống. Đây có thể là đặc trưng của sản xuất nông nghiệp vùng và cũng là thách thức trong công việc hiện đại hóa và công nghiệp hóa sản xuất nông nghiệp. Hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất đã được nâng cấp theo các dự án thuộc chương trình nông thôn mới tuy nhiên vẫn sử dụng công nghệ, vật liệu xây dựng lạc hậu khó tương thích với phương pháp sản xuất công nghệ cao.

- Phân bố làng xã theo hình thái "xôi đỗ" và đây thực sự khác biệt lớn đối với khu vực tạo lập VDX tại các nước Châu Âu. Theo đánh giá, tại TP. Hà Nội và TP. Hải Phòng, khoảng cách các đơn vị cư trú làng xã là từ 1 đến 5 km và có xu hướng thu hẹp lại. Cùng với sự thu hẹp khoảng cách là diện tích, mật độ đất nông nghiệp ngày càng suy giảm đã ảnh hưởng lớn đến chất lượng môi trường sinh thái nông nghiệp đô thị.



Hình 3. Hiện trạng phân bố dân cư làng xã - TP Hà Nội theo lưới tham chiếu 1km x 1km

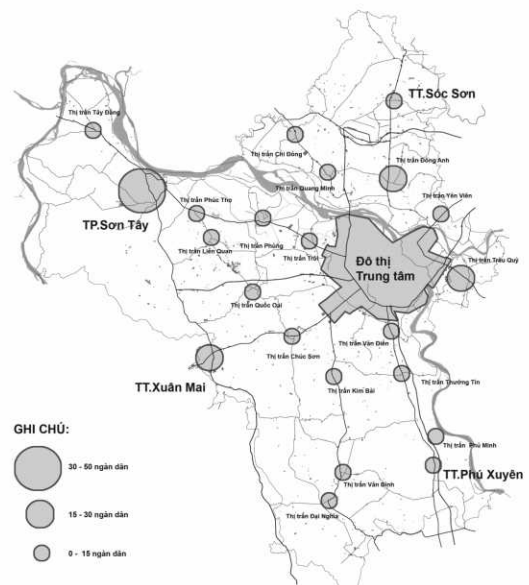
- Song song với việc mở rộng đô thị và phát triển các dự án kinh tế đô thị là việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất đô thị. Đất nông nghiệp mỗi năm TP. Hà Nội thu hồi hơn 1.000ha đất, tỉnh Hà Tây cũ khoảng 2000ha, trong đó chiếm tới 80% là đất nông nghiệp, phục vụ các dự án công nghiệp, đô thị. Xu hướng đất nông nghiệp tại Hà Nội tiếp tục thu hẹp diện tích ảnh hưởng lớn đến quỹ đất nông nghiệp trong HLX, VDX theo quy hoạch được phê duyệt. [4]

d. Kiểm soát phát triển lan tỏa đô thị và bùng nổ các chức năng kinh tế đô thị trong khu vực dự kiến thiết lập HLX

Yếu tố đô thị được coi là tác nhân chính làm suy giảm chất lượng môi trường của khu vực không gian xanh bao quanh đô thị. Bài học kinh nghiệm trong quy hoạch vùng Tokyo - Nhật Bản, VDX trong vùng Tokyo đã bị thu hẹp do không kiểm soát được các dạng phát triển trong khu vực VDX, do mâu thuẫn giữa lợi ích chung đô thị và lợi ích riêng của chủ đất. Do đó việc quản lý và kiểm soát quá trình mở rộng đô thị và phát triển các chức năng kinh tế đô thị theo hướng sinh thái là yêu cầu đặt ra đối với việc thiết lập HLX, VDX. Tại các đô thị lớn vùng ĐBSH, các đô thị trung tâm có xu hướng phát triển lan tỏa theo các trục giao thông chính đô thị. Đây là yếu tố tạo nguy cơ phát triển thiếu kiểm soát các chức năng kinh tế đô thị trong không gian HLX, VDX như các khu công nghiệp, cảng, đô thị mới hay các khu du lịch. Theo sức hút của cực đô thị trung tâm, các thị trấn (có khoảng 0 đến 20 km tính từ vị trí trung tâm đô thị) có tốc độ đô thị hóa cao, xu hướng dần trở thành các khu vực chức năng phục vụ cho đô thị trung tâm. Việc phát triển đô thị thiếu kiểm soát này đã chia cắt và làm giảm tính liên kết các chức năng cũng như tạo nguy cơ dẫn đến việc thu hẹp diện tích quy hoạch HLX, VDX.



a) Tại TP Hà Nội



b) Tại TP Hải Phòng

Hình 4. Hiện trạng phân bố hệ thống đô thị tại TP Hà Nội và TP Hải Phòng

e. Thiếu các thể chế cụ thể cho phát triển HLX, VDX sau quy hoạch

Kinh nghiệm quy hoạch tại Nhật Bản, việc thiết lập khu vực VDX trong quy hoạch vùng Tokyo đã bao phủ một vùng diện tích rộng lớn. Trong thực tế, bên trong khu vực VDX được quy hoạch có rất nhiều chức năng riêng biệt, mỗi chức năng này cần có một quy chế thực hiện cụ thể hơn để hoạch định cho sự phát triển của nó theo đúng mục tiêu đã đề ra. Quy hoạch VDX vùng Tokyo chưa xây dựng được thiết chế, kế hoạch phát triển cụ thể dẫn đến sự quản lý khó khăn của chính quyền địa phương cũng như chính quyền đô thị dẫn đến các khu vực trong VDX sẽ “tự phát triển” theo nhu cầu thực tế. Quy hoạch chung đô thị tại TP. Hà Nội và TP. Hải Phòng đã được phê duyệt, tuy nhiên để quản lý và bảo vệ khu vực HLX, VDX theo quy hoạch gặp nhiều vướng mắc trong cơ chế quản lý:

- Thiếu các quy định cụ thể cho các chức năng trong khu vực quy hoạch HLX, VDX. Hiện nay các quy định quản lý tại khu vực dự kiến thiết lập HLX, VDX chỉ dừng lại xác định các chức năng mà chưa có chính sách, phương thức và kế hoạch phát triển cụ thể cho các chức năng đó.

- Thiếu thống nhất quản lý liên ngành: Quy hoạch - thực trạng sử dụng đất - khả năng đầu tư xây dựng + quá trình khai thác sử dụng + thanh tra, xử lý vi phạm.

- Chưa có thể chế nâng cao năng lực với chính quyền địa phương trong khu vực dự kiến quy hoạch HLX. Chính quyền địa phương chủ yếu là chính quyền cấp huyện, cấp xã. Năng lực quản lý của đại bộ phận cấp xã rất yếu kém, chưa được đào tạo nâng cao năng lực, nhận thức vai trò HLX trong việc kiểm soát phát triển và bảo vệ môi trường đô thị.

- Chưa có chính sách cân bằng giữa lợi ích công cộng và lợi ích tư nhân. Trong đó việc sở hữu đất tư nhân (tại làng xã, đô thị và các dự án kinh tế đô thị) chiếm phần lớn là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trong việc triển khai HLX trong thực tiễn.



4. Kết luận

Bài viết xem xét những thuận lợi và khó khăn trong khu vực dự kiến thiết lập mô hình HLX tại các đô thị vùng ĐBSH. Thuận lợi ít và khó khăn thách thức thì nhiều. Khai thác tối đa những thuận lợi và khắc phục triệt để những khó khăn là cơ sở khoa học thực tiễn để thiết lập mô hình quy hoạch phát triển HLX trong cấu trúc đô thị vùng ĐBSH. Trên cơ sở khái niệm, kinh nghiệm quy hoạch của các nước trên thế giới và thực tiễn hiện trạng, tác giả đưa ra những thuận lợi và khó khăn chính của khu vực dự kiến lập HLX tại các đô thị lớn vùng ĐBSH như sau:

- Thuận lợi cảnh quan tự nhiên độc đáo; tài nguyên du lịch phong phú đa dạng; bước đầu đã có các cơ chế chính sách trong việc áp dụng mô hình trong thực tiễn.

- Khó khăn do không gian cảnh quan sinh thái tự nhiên bị suy giảm; khai thác hoạt động du lịch - vui chơi giải trí chưa hiệu quả; môi trường sinh thái nông nghiệp bị ô nhiễm; quỹ đất nông nghiệp bị thu hẹp; khó kiểm soát được sự phát triển lan tỏa của đô thị, các thể chế chưa cụ thể.

Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Hùng Cường (2012), "*Cơ sở thiết lập các mô hình phát triển trong khu vực hành lang xanh phía Tây Hà Nội theo quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2030*", Đề tài KH&CN cấp trường trọng điểm, trường Đại học Xây dựng.
2. Phạm Hùng Cường (2012), "*Cơ sở thiết lập các mô hình phát triển trong khu vực hành lang xanh phía Tây Hà Nội theo quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2030*", Đề tài KN&CN cấp trường trọng điểm, mã số 113-2011/KH XD-TĐ.
3. Vũ Thị Hồng (2011), "*Xây dựng mô hình phát triển cho làng xã truyền thống trong khu vực HLX theo quy hoạch thành phố Hà Nội mở rộng 2030 tầm nhìn 2050*", Luận văn Thạc sĩ tại ĐHXD.
4. Bộ Xây dựng (2011), "*Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050*".
5. Viện Quy hoạch Hải Phòng (2010), "*Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2025*".
6. Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội (2013), "*Quy hoạch hệ thống công viên vườn hoa và hồ TP. Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050*".